TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN G

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:**63**/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 20/6/2019
Về việc: "Xin ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thanh Toàn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Tấn Lập**

2. Ông **Võ Thanh Bình.**

Thư ký tòa án ghi Biên bản phiên tòa: Ông **Hoàng Văn Phúc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 187/2019/TLST - HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2019 về việc " Xin Ly hôn và nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019.

Nguyên đơn: Chị **Thị N,** Sinh năm 1991 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Ranh Hạt, xã Bình G1, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G

Bị đơn: Anh **Danh R,** Sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Ranh Hạt, xã Bình G1, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và tại phiên Tòa hôm nay chị Thị N trình bày:

Chị Thị N và anh Danh R lấy nhau là do mai mối và được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình G1, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G vào ngày 05 tháng 4 năm 2011. Thời gian đầu mới kết hôn thì vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đã có với nhau hai người con chung là cháu Danh Hoài S1, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2008 và cháu Danh Hoài S, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2011. Nhưng đến 2011 thì giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống, không khí gia đình căng thẳng không thể giải quyết được hai bên thường xuyên cãi vã, bất đồng từ chuyện lớn tới chuyện nhỏ và vợ chồng đã ly thân từ đó cho tới nay. Từ khi ly thân giữa hai vợ chồng không còn quan tâm, không chăm sóc nhau cuộc sống của ai người đó tự lo. Nay chị Thị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và sống chung với nhau được nữa, nên chị Thị N yêu cầu xin ly hôn với anh Danh R.

Về con chung: Chị Thị N và anh Danh R có hai con chung là cháu Danh Hoài Siêng, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2008 và Danh Hoài Sơn, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2011 hiện hai con đang ở với chị N, nên chị N yêu cầu được nuôi hai con không yêu cầu anh Danh R cấp dưỡng việc nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Thị N trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ và cho vay nợ: Chị Thị N trình bày vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị Thị N không trình bày gì thêm.

Bị đơn anh Danh R: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhưng anh Danh R đều vắng mặt nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, căn cứ vào Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

- Mặc dù Tòa án đã tống đạt các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh Danh R vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do đó Tòa

án tiến hành xét xử vắng đối với anh Danh R theo quy định Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét về hôn nhân: Chị Thị N và anh Danh R lấy nhau là do mai mối, sau đó tổ chức đám cưới vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Bình G1, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận, nhưng trong quá trình chung sống thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và đã chính thức ly thân nhau nhiều năm nay, từ khi vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau thì cuộc sống chung của vợ chồng không còn quan tâm và chăm sóc nhau, hơn nữa tại phiên Tòa hôm nay chị Thị N trình bày chị không còn yêu thương và không thể hàn gắn và sống chung với anh Danh R được nữa, nên chị Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Danh R. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị Thị N và anh Danh R đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn, không thể hàn gắn và sống chung với nhau được nữa, nên căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thị N.

[3] Xét về con chung: Chị Thị N và anh Danh R có 02 con chung là cháu Danh Hoài S1, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2008 và cháu Danh Hoài S, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2011, chị Thị N yêu cầu được nuôi con và cũng theo nguyện vọng của cháu Siêng, cháu Sơn yêu cầu được ở với chị Thị N vì từ lúc chị Thị N, anh Danh R ly thân thì chị Thị N là người trực tiếp nuôi hai cháu Siêng và cháu Sơn. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Thị N tiếp tục giao hai cháu Danh Hoài Siêng, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2008 và cháu Danh Hoài Sơn, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2011 cho chị Thị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thị N không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Xét về quan hệ tài sản chung của vợ chồng: Chị Thị N thừa nhận giữa chị với anh Danh R không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về nợ và cho vay nợ: Chị Thị N trình bày vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án thì chị Thị N phải chịu án phí là Hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Danh R.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị N được ly hôn với anh Danh R.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai cháu Danh Hoài S1 và cháu Danh Hoài S cho chị Thị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng việc nuôi con: Chị Thị N không yêu cầu cấp dưỡng việc nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về quyền thăm nom chăm sóc con chung: Anh Danh R có quyền, chị Thị N cũng như những người khác không ai được quyền cấm cản.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị Thị N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ và cho vay nợ: Chị Thị N chị Thị Nợ không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí, nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Thị N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G theo biên lai thu số

0002266 ngày 16 tháng 4 năm 2019 số tiền theo biên lai là 300.000 đồng. Như vậy chị Thị N đã nộp xong án phí.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng anh Danh R vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Đương sự.
- VKSND cùng cấp.
- Tòa án tỉnh Kiên G.
- Lưu hồ sơ.

Trương Thanh Toàn